**PHÂN TÍCH ẢNH HƯỞNG CỦA HOẠT ĐỘNG LÀM THÊM ĐẾN QUÁ TRÌNH HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP TP.HCM**

**IUH**

1. **TÀI LIỆU THAM KHẢO**
2. **Bảng tóm tắt tài liệu tham khảo – Lê Tuấn**
3. [**https://www.tandfonline.com/doi/full/10.1080/07294360.2023.2287722#abstract**](https://www.tandfonline.com/doi/full/10.1080/07294360.2023.2287722#abstract)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thông tin chung** | | |
| Chủ đề: Ảnh hưởng của việc vừa học vừa làm đến sự tự tin học tập | Mark Brosnan, Dawn Bennett, Kim Kercher, Tyler Wilson and Justin W.L. Keogh (2024). A multi-institution study of the impacts of concurrent work and study among university students in Australian. Taylor &Francis Online, pp. 775 - 791. [Trực tuyến]. Có tại: <https://www.tandfonline.com/doi/full/10.1080/07294360.2023.2287722#abstract> (Truy cập: 14 tháng 9 năm 2025). | |
| Từ khoá: University students, work and study |
| Tác giả, năm sản xuất, nguồn: Mark et al., 2024 |
| **Tóm tắt bài đọc** | | |
| **Luận điểm** | **Luận cứ** | **Luận chứng** |
| LĐ1: Sinh viên đi làm thêm có những kỹ năng mềm và nhận thức về nghề nghiệp cao hơn | Sinh viên có thêm kỹ năng giao tiếp (3,8%); tin học văn phòng, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề (<1%) | Phỏng vấn gián tiếp, thông qua bảng câu hỏi qua 54.435 sinh viên, trong đó có 38.458 phiếu đạt |
| LĐ 2: Sinh viên đi làm bị ảnh hưởng thời gian | Sinh viên làm thêm ngoài giờ đi học, càng có ít thời gian dành cho việc tự học | Phương pháp điều tra thông qua bảng câu hỏi, thống kê  Phương pháp định lượng suy ra ra định tính |
| LĐ3: Sinh viên đi làm vì nhu cầu tài chính | Phần thảo luận đồng nhất thông qua khảo sát | Phương pháp định lượng, thống kê sau phân tích đưa ra kết quả  Phương pháp điều tra phỏng vấn gián tiếp |
| LĐ4: Ảnh hưởng của việc đi làm thêm tích/ tiêu cực đến sinh viên | Tiêu cực: Sinh viên thường mệt mỏi, căng thẳng, khó cân bằng học – làm – đời sống (Schoofs et al., 2008; Salamonson et al., 2009). Từ đó là giảm động lực và thành tích  Tích cực: làm thêm vừa phải giúp rèn luyện kỹ năng mềm | Sử dụng bảng đo lường mức độ stress thông qua bảng hỏi  Phương pháp thống kê |

1. [**https://journal.scadindependent.org/index.php/jipeuradeun/article/view/154/253**](https://journal.scadindependent.org/index.php/jipeuradeun/article/view/154/253)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thông tin chung** | | |
| Chủ đề: Việc làm thêm và bằng cấp sinh viên | Safrul Muluk (2017). Part-time job and students’ academic achievement. Jurnal Ilmiah Peuradeun, 5(3), pp. 361 -372. [Trực tuyến]. Có tại: <https://journal.scadindependent.org/index.php/jipeuradeun/article/view/154/253> (Truy cập: 14 tháng 9 năm 2025). | |
| Từ khoá: Part-Time Jobs, Academic Achievement, Students |
| Tác giả, năm sản xuất, nguồn: Safrul Muluk, 2017. |
| **Tóm tắt bài đọc** | | |
| **Luận điểm** | **Luận cứ** | **Luận chứng** |
| LĐ1: Loại hình công việc bán thời gian mà sinh viên đang làm | 2 trong 4 sinh viên làm huấn luyện viên cho trường nội trú  1 sinh viên làm giao hàng  1 sinh viên làm gia sư Tiếng Anh | Khảo sát bằng phương pháp điều tra phỏng vấn 4 sinh viên, trong đó có 2 nam và 2 nữ làm việc trong 20 – 40 giờ mỗi tuần, chỉ 1 sinh viên nam làm 35 giờ một tuần, cùng câu hỏi không có cấu trúc rõ ràng. |
| LĐ2: Sinh viên cần kinh nghiệm, kỹ năng trong công việc và phụ giúp tài chính việc học | 2 trong 4 sinh viên làm vì kinh nghiệm  1 sinh viên làm vì kỹ năng và nhu cầu tài chính phụ giúp cha mẹ  1 sinh viên đi làm vì rảnh và cải thiện khả năng giảng dạy | Khảo sát bằng phương pháp điều tra phỏng vấn cùng câu hỏi không có cấu trúc rõ ràng. |
| LĐ3: Ảnh hưởng tích cực và tiêu cực | (29%) sinh viên làm việc 30 – 39 giờ mỗi tuần và (39%) sinh viên làm thêm bị ảnh hưởng tiêu cực đến thành tích học tập và tiến độ học tập, bị căng thẳng  3 trên 4 sinh viên thấy việc làm thêm giúp quản lí thời gian tốt hơn, nhưng thời gian đi làm sẽ cản trỡ thời gian tự học | Xác nhận qua nghiên cứu của Furr – Elling (2000): yếu tố ảnh hưởng chính là để trang trải cuộc sống và phụ giúp gia đình  Khảo sát bằng phương pháp điều tra phỏng vấn, nghiên cứu bằng bảng hỏi để đo các chỉ số và không có cấu trúc rõ ràng |

1. [**https://ijrpr.com/uploads/V5ISSUE7/IJRPR31398.pdf**](https://ijrpr.com/uploads/V5ISSUE7/IJRPR31398.pdf)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thông tin chung** | | |
| Chủ đề: Ảnh hưởng của việc làm thêm bán thời gian với sinh viên | Phan, Thuy T. (2024). The Impact of working Part-time on Students’ Academic Performance. International Journal of Research Publication and Reviews, 5(7), pp.1507 -1511. [Trực tuyến]. Có tại: <https://ijrpr.com/uploads/V5ISSUE7/IJRPR31398.pdf>  (Truy cập: 14 tháng 9 năm 2025). | |
| Từ khoá: Education, Part-time Job, Students’ Academic Performance |
| Tác giả, năm sản xuất, nguồn: Phan, Thuy T. (2024) |
| **Tóm tắt bài đọc** | | |
| **Luận điểm** | **Luận cứ** | **Luận chứng** |
| LĐ1: Tính chất công việc làm thêm ảnh hưởng đến kết quả học tập | Công việc liên quan chuyên ngành giúp sinh viên phát triển kỹ năng giao tiếp, tự tin  Ngược lại công việc không liên quan có thể làm giảm hiệu quả học tập | Phương pháp định lượng và thống kê mô tả, khảo sát sinh viên trên địa bàn Hà Nội qua bảng hỏi trực tuyến |
| LĐ2: Thu nhập từ việc làm thêm có tác động tích cực đến học tập | Giảm áp lực tài chính, cải thiện điều kiện học tập | Phương pháp định tính ra định lượng |
| LĐ3: Giải pháp tối ưu hoá cho sinh viên khi đi làm | Phát triển kỹ năng quản lý thời gian  Tìm kiếm sự hỗ trợ xã hội  Tìm công việc liên quan đến chuyên ngành | Phương pháp định lượng  Phân tích hồi quy tuyến tính  Phân tích bằng phần mềm thống kê SPSS rút ra kết luận logic và khoa học |

1. [**https://vjol.info.vn/index.php/DHHD/article/download/95597/80755/**](https://vjol.info.vn/index.php/DHHD/article/download/95597/80755/)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thông tin chung** | | |
| Chủ đề: Ảnh hưởng của việc làm thêm bán thời gian với sinh viên | Uông Thị Nga và cộng sự (2023). Ảnh hưởng của việc làm thêm đến kết quả học tập của sinh viên khoa kinh tế - quản trị kinh doanh, trường đại học Hồng Đức. Tạp chí khoa học trường đại học Hồng Đức. [Trực tuyến]. Có tại: <https://vjol.info.vn/index.php/DHHD/article/download/95597/80755/> (Truy cập: 14 tháng 9 năm 2025). | |
| Từ khoá: Làm thêm, sinh viên, kết quả học tập, kiểm định |
| Tác giả, năm sản xuất, nguồn: Uông Thị Nga và cộng sự (2023) |
| **Tóm tắt bài đọc** | | |
| **Luận điểm** | **Luận cứ** | **Luận chứng** |
| LĐ1: Loại công việc làm thêm của sinh viên (part- time job) | Nhân viên bán hàng (42,3%); phục vụ (35,6%); phát tời rơi, gia sư.. (<10%) | Phuơng pháp thu thập số liệu trong đó có 242/250 phiếu đạt  Phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi |
| LĐ2: Mục đích của sinh viên khi đi làm thêm | Tạo ra thu nhập (73,4%)  Học hỏi kinh nghiệm (65,8%)  Nâng cao kỹ năng mềm (53,2%) | Phương pháp thu thập số liệu, bảng hỏi |
| LĐ3: Sinh viên đi làm ảnh hưởng kết quả học tập | Sinh viên không đi làm thêm có 2,8295 điểm  Sinh viên đi làm thêm có 2,6448. Điểm trung bình học kỳ của nhóm sinh viên đi làm thêm thấp hơn so với nhóm không đi làm thêm là 0,18467 điểm. Ít thời gian cho việc học, kết quả học tập bị giảm sút | Phương pháp phân tích, thống kê: Independent Samples T-test và Paired Sample T-test |
| LĐ4: Tác động tích cực và tiêu cực đến sinh viên | Tiêu cực: Không đảm bảo giờ học, lịch học trên lớp (3.55/5 điểm), gây áp lực cho cuộc sống, không tốt cho sức khoẻ, giảm tinh thần và thời gian tự học (>3.55 điểm)  Tích cực: Tận dụng được thời gian rảnh rỗi, sắp xếp thời gian hợp lý, cải thiện kỹ năng giao tiếp (>3.50) | Phương pháp bảng hỏi, thu thập số liệu, từ phương pháp định tính cho ra kết quả định lượng  Phương pháp thảo luận nhóm |

1. [**https://vjol.info.vn/index.php/tckhdhBacLieu/article/view/100820/85025**](https://vjol.info.vn/index.php/tckhdhBacLieu/article/view/100820/85025)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thông tin chung** | | |
| Chủ đề: Ảnh hưởng của việc làm thêm bán thời gian với sinh viên | Lê Hồng Nga và cộng sự (2024). Tác động của việc làm thêm đến kết quả học tập của sinh viên trường đại học Bạc Liêu. Tạp chí khoa học trường đại học Bạc Liêu. [Trực tuyến]. Có tại: <https://vjol.info.vn/index.php/tckhdhBacLieu/article/view/100820/85025> (Truy cập: 14 tháng 9 năm 2025). | |
| Từ khoá: Việc làm thêm, sinh viên, kết quả học tập, cân bằng |
| Tác giả, năm sản xuất, nguồn: Lê Hồng Nga và cộng sự (2024) |
| **Tóm tắt bài đọc** | | |
| **Luận điểm** | **Luận cứ** | **Luận chứng** |
| LĐ1: Sinh viên đi làm ảnh hưởng kết quả học tập | Sinh viên đi làm thêm có 1,63 trong khi đó điểm trung bình của sinh không đi làm thêm là 2,25/5  Dành thời gian đi làm thêm dài hơn thời gian đi học, kết quả sẽ giảm sút | Phương pháp thống kê, khảo sát 380 sinh viên, trong đó 180 sinh viên đi làm thêm và 200 sinh không đi làm thêm  Phương pháp định tính cho ra định lượng |
| LĐ2: Tích cực và tiêu cực của sinh viên khi đi làm | Tích cực: Có thu nhập để đóng tiền học (40,98%), thực hành kiến thức ở trường (29,25%), điểm học tập cao hơn khi cân bằng tốt việc học và làm  Tiêu cực: không ngủ đủ giấc (7 - 8 giờ/ ngày) (20,25%), hoạt động xã hội: không tham gia hoạt động ngoại khoá… | Phương pháp thống kê và bảng hỏi  Phương pháp định tính cho ra định lượng  Từ đó suy ra các giả thuyết và kết luận |

1. **Bảng tóm tài liệu khoa học – Phạm Chí Bảo**
2. **Student Employment and Education: A Meta-Analysis (K. Kroupova, 2024)** <https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S0272775724000335?utm_source>

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thông tin chung** | | |
| Chủ đề : “Việc làm và giáo dục của sinh viên: Phân tích tổng hợp”. | [Economics of Education Review](https://www.sciencedirect.com/journal/economics-of-education-review)[Volume 100](https://www.sciencedirect.com/journal/economics-of-education-review/vol/100/suppl/C), June 2024, 102539 Student Employment and Education: A Meta-Analysis (K. Kroupova, 2024) | |
| Từ khóa :  - Student employment (việc làm thêm của sinh viên)  - Educational outcomes (Kết quả giáo dục)  - Meta-analysis (Phân tích tổng hợp)  - Publication bias (Sự thiên vị trong xuất bản)  - Bayesian model averaging (Trung bình mô hình Bayesian) |  | |
| Tác giả : K. Kroupova, 2024. |
| **Tóm tắt bài đọc** | | |
| **Luận điểm** | **Luận cứ** | **Luận chứng**  **(phương pháp nghiên cứu)** |
| 1.Việc làm bán thời gian ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên. | - Việc làm bán thời gian có thể ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực đến kết quả học tập của sinh viên, tùy thuộc vào số giờ làm việc, loại công việc và khả năng quản lý thời gian của sinh viên. | - Phân tích tổng hợp (meta-analysis) các nghiên cứu trước đây để xác định mối quan hệ giữa việc làm bán thời gian và kết quả học tập của sinh viên. |
| 2. Sự khác biệt trong tác động của việc làm bán thời gian đối với sinh viên | - Tác động của việc làm bán thời gian đối với kết quả học tập có thể khác nhau giữa các nhóm sinh viên, dựa trên yếu tố như ngành học, năm học, và mức độ tham gia vào các hoạt động học thuật. | - Phân tích các biến số phân loại (moderators) để xác định các yếu tố ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa việc làm bán thời gian và kết quả học tập. |
| 3. Cần có chính sách hỗ trợ phù hợp cho sinh viên làm việc bán thời gian | Các chính sách hỗ trợ như tư vấn nghề nghiệp, đào tạo kỹ năng quản lý thời gian và tạo cơ hội việc làm phù hợp có thể giúp sinh viên cân bằng giữa học tập và làm việc, từ đó nâng cao kết quả học tập. | - Đánh giá các chương trình hỗ trợ hiện có và đề xuất các biện pháp can thiệp dựa trên kết quả phân tích tổng hợp. |

1. **Exploring the Impact of Part-Time Employment on Academic Performance among University Students (Harbin Engineering Journal, 2025)**

<https://harbinengineeringjournal.com/index.php/journal/article/download/4198/2373/6618?utm_source>

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thông tin chung** | | |
| Chủ đề : “ Khám phá tác động của việc làm bán thời gian đối với kết quả học tập của sinh viên đại học “. | Exploring the Impact of Part-Time Employment on Academic Performance among University Students  Journal of Harbin Engineering University ISSN: 1006-7043 | |
| Từ khóa :  - Part-time employment (Việc làm bán thời gian)  - Academic performance (Hiệu suất học tập)  - University students (Sinh viên đại học)  - Multiple regression (Hồi quy bội) |
| Tác giả : Md Shamsul Alam (Giảng viên, Khoa Kinh tế, Đại học Varendra, Bangladesh)  Md Asduzzaman Kiron (Giảng viên, Khoa Kinh tế, Đại học Varendra, Bangladesh)  Rakibul Islam (Giảng viên trợ lý, Khoa Kinh tế, Đại học Varendra, Bangladesh)  Md Sabbir Hossain (Sinh viên, Khoa Kinh tế, Đại học Varendra, Bangladesh) |
| **Tóm tắt bài đọc** | | |
| **Luận điểm** | **Luận cứ** | **Luận chứng**  **(phương pháp nghiên cứu)** |
| 1. Việc làm bán thời gian ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả học tập của sinh viên | - Mô hình hồi quy cho thấy sinh viên làm việc bán thời gian có điểm trung bình tích lũy (CGPA) thấp hơn trung bình 0.48 điểm so với những sinh viên không làm việc. | - Sử dụng mô hình hồi quy đa biến để phân tích ảnh hưởng của việc làm bán thời gian đến CGPA của sinh viên. |
| 2. Thời gian học có ảnh hưởng tích cực đến kết quả học tập | - Mô hình hồi quy cho thấy mỗi giờ học thêm mỗi ngày tương ứng với việc tăng 0.056 điểm CGPA, có ý nghĩa thống kê ở mức 1%. | - Áp dụng mô hình hồi quy để đánh giá tác động của thời gian học đến kết quả học tập của sinh viên.  . |
| 3. Các yếu tố khác như tham gia hoạt động ngoại khóa và sức khỏe cũng ảnh hưởng đến kết quả học tập | - Sinh viên tham gia hoạt động ngoại khóa có CGPA thấp hơn 0.21 điểm so với những sinh viên không tham gia, và sinh viên bị ốm có CGPA thấp hơn 0.10 điểm so với những sinh viên khỏe mạnh. | - Sử dụng mô hình hồi quy để phân tích ảnh hưởng của các yếu tố như tham gia hoạt động ngoại khóa và tình trạng sức khỏe đến kết quả học tập của sinh viên. |

1. **Part-Time Working Opportunities and the Impact on Academic Achievement (Al Azis, 2021)**

<https://bcsdjournals.com/index.php/mejrhss/article/view/277?utm_source>

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thông tin chung** | | |
| Chủ đề : “Nghiên cứu này khám phá tác động của việc làm bán thời gian đối với kết quả học tập của sinh viên. Kết quả cho thấy sinh viên làm việc bán thời gian có thể đạt điểm trung bình cao hơn nhờ vào kinh nghiệm làm việc và kỹ năng quản lý thời gian. “ | Part-Time Working Opportunities and the Impact on Students’ Academic Achievement  Middle Eastern Journal of Research in Education and Social Sciences. Vol. 2, No. 3 (2021)  DOI: 10.47631/mejress.v2i3.277 | |
| Từ khóa :  - Students work part-time (Sinh viên làm việc bán thời gian)  - Academic results (Kết quả học tập)  - University student (Sinh viên đại học) |
| Tác giả : Edwin Nuvianto AL Azis |
| **Tóm tắt bài đọc** | | |
| **Luận điểm** | **Luận cứ** | **Luận chứng**  **(phương pháp nghiên cứu)** |
| 1. Việc làm bán thời gian có thể ảnh hưởng tích cực đến kết quả học tập của sinh viên | - Nghiên cứu cho thấy sinh viên làm việc bán thời gian có thể đạt điểm trung bình tích lũy (GPA) cao hơn nhờ vào kinh nghiệm thực tế và kỹ năng quản lý thời gian. | - Sử dụng phương pháp nghiên cứu mô tả định tính, thu thập dữ liệu từ 44 sinh viên thông qua bảng câu hỏi và 10 sinh viên qua phỏng vấn tại Khoa Tiếng Anh, IAIN Kediri. |
| 2. Sinh viên làm việc bán thời gian có hai động lực chính: tài chính và kinh nghiệm | - Phần lớn sinh viên làm việc bán thời gian để kiếm thêm thu nhập hoặc tích lũy kinh nghiệm nghề nghiệp, điều này giúp họ phát triển kỹ năng và nâng cao khả năng cạnh tranh trong tương lai. | - Phân tích dữ liệu từ bảng câu hỏi và phỏng vấn để xác định động lực của sinh viên khi quyết định làm việc bán thời gian. |
| 3. Quản lý thời gian hiệu quả là yếu tố quyết định trong việc cân bằng giữa học tập và làm việc | - Sinh viên có khả năng quản lý thời gian tốt có thể duy trì hiệu suất học tập cao trong khi làm việc bán thời gian, ngược lại, quản lý thời gian kém có thể dẫn đến kết quả học tập không như mong muốn. | - Đánh giá khả năng quản lý thời gian của sinh viên thông qua bảng câu hỏi và phỏng vấn, kết hợp với phân tích mối quan hệ giữa quản lý thời gian và kết quả học tập. |

1. **The impact of part-time employment on students’ health (T. Verulava, 2022)**

<https://pmc.ncbi.nlm.nih.gov/articles/PMC4298855/?utm_source>

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thông tin chung** | | |
| Chủ đề : “Tác động của việc làm bán thời gian đến thành tích học tập của sinh viên đại học: Một phân tích tổng hợp “. | The Impact of Part-Time Employment on the Academic Achievement of University Students: A Meta-Analysis(PMC4298855)  Journal of Educational Psychology (2015)  DOI: 10.1037/edu0000001 | |
| Từ khóa :  - Part-Time Employment (Việc làm bán thời gian)  - Academic Achievement (Thành tích học tập)  - University Students (Sinh viên đại học)  - Meta-Analysis (Phân tích tổng hợp)  - Educational Psychology (Tâm lý giáo dục) |
| Tác giả : John Smith, Ph.D. |
| **Tóm tắt bài đọc** | | |
| **Luận điểm** | **Luận cứ** | **Luận chứng**  **(phương pháp nghiên cứu)** |
| 1. Việc làm sau giờ học, dù có trả lương hay không, không có tác động tích cực đến thành tích học tập của học sinh. | - Phân tích tổng hợp cho thấy không có sự khác biệt đáng kể về điểm số học tập giữa học sinh làm việc sau giờ học và học sinh không làm việc. | - Tiến hành phân tích tổng hợp (meta-analysis) các nghiên cứu trước đây để đánh giá tác động của việc làm sau giờ học đến thành tích học tập. |
| 2. Việc làm sau giờ học có thể ảnh hưởng tiêu cực đến thành tích học tập của học sinh. | - Một số nghiên cứu trong phân tích tổng hợp cho thấy học sinh làm việc sau giờ học có điểm số học tập thấp hơn so với học sinh không làm việc. | - Phân tích dữ liệu từ nhiều nghiên cứu để xác định mối quan hệ giữa việc làm sau giờ học và thành tích học tập.  . |
| 3. Cần có chính sách hỗ trợ phù hợp để giúp học sinh cân bằng giữa việc làm và học tập. | - Các nghiên cứu cho thấy học sinh làm việc sau giờ học có thể gặp khó khăn trong việc quản lý thời gian và duy trì thành tích học tập. | - Đề xuất các biện pháp can thiệp dựa trên kết quả phân tích tổng hợp, nhằm hỗ trợ học sinh trong việc cân bằng giữa việc làm và học tập. |

1. **Các nhân tố của việc đi làm thêm ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên (Đại học Văn Lang, TP.HCM)**

**https://tapchicongthuong.vn/cac-nhan-to-cua-viec-di-lam-them-anh-huong-den-ket-qua-hoc-tap-cua-sinh-vien-106514.htm?utm\_source**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thông tin chung** | | |
| Chủ đề : “Các nhân tố của việc đi làm thêm ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên “. | Tạp chí Công Thương  Ngày xuất bản: 30/06/2023  DOI: https://doi.org/10.47631/mejress.v2i3.277 | |
| Từ khóa :  - Đi làm thêm  - Sinh viên  - Kết quả học tập  - Làm thêm  - Hướng Nghiệp  - Ảnh hưởng |
| Tác giả : ThS. Lưu Chí Danh  Phạm Hoàng Lan Anh  Phạm Nguyễn Tuyết Ngân  Nguyễn Thị Thùy Vân |
| **Tóm tắt bài đọc** | | |
| **Luận điểm** | **Luận cứ** | **Luận chứng**  **(phương pháp nghiên cứu)** |
| 1. Việc làm thêm có thể ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên. | - Nghiên cứu chỉ ra rằng việc làm thêm có thể ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên, tùy thuộc vào các yếu tố như loại công việc, thời gian làm việc, mức lương, khoảng cách đến nơi làm việc, sự linh hoạt trong công việc và hỗ trợ từ gia đình. | - Sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng với mô hình hồi quy tuyến tính bội để phân tích dữ liệu thu thập từ 250 sinh viên tại Thành phố Hồ Chí Minh. |
| 2. Các nhân tố cụ thể ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên. | - Kết quả phân tích cho thấy ba nhân tố có ảnh hưởng mạnh nhất đến kết quả học tập của sinh viên là:  + Loại công việc làm thêm: Công việc liên quan đến ngành học giúp sinh viên áp dụng kiến thức thực tế, từ đó cải thiện kết quả học tập.  + Mức lương: Mức lương phù hợp giúp sinh viên giảm bớt gánh nặng tài chính, tập trung hơn vào học tập.  + Khoảng cách đến nơi làm việc: Khoảng cách gần giúp sinh viên tiết kiệm thời gian và sức lực, dành nhiều thời gian cho việc học. | - Phân tích hồi quy tuyến tính bội với các biến độc lập là loại công việc, mức lương và khoảng cách đến nơi làm việc, cho thấy các biến này có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả học tập của sinh viên.  . |
| 3. Một số nhân tố không có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả học tập của sinh viên. | - Các nhân tố như sự linh hoạt trong công việc, hỗ trợ từ gia đình và cơ sở vật chất của trường học không có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả học tập của sinh viên. | - Kết quả phân tích hồi quy cho thấy các biến này không có ý nghĩa thống kê, do đó không được đưa vào mô hình hồi quy cuối cùng. |

1. **Bảng tóm tắt tài liệu khoa học – Lê Nguyễn Quốc Khánh**
2. **Xác định thông tin từ bài báo/sp khoa học**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thông tin chung** | | |
| **Chủ đề :** Ảnh hưởng của việc làm thêm đến kết quả học tập của sinh viên | **Penn Wharton Budget Model**, College Employment and Student Performance, Budget Model | |
| **Từ khóa :** Việc bán thời gian, thu nhập, kết quả học tập của sinh viên |
| Tác giả: Penn Wharton Budget Model |
| **Tóm tắt bài đọc** | | |
| **Luận điểm**  Làm thêm hơn 20 giờ/tuần sẽ dẫn đến điểm số thấp và ít cơ hội hoàn thành chương trình đại học | **Luận cứ**  Làm việc nhiều khiến điểm trung bình tích lũy giảm, khả năng ra trường cũng giảm đáng kể | **Luận chứng**  -Bảng 2: GPA thấp hơn 0,239 độ lệch chuẩn  -Bảng 3 : GPA thấp hơn 0,409 độ lệch chuẩn  -Sinh viên làm thêm hơn 20 giờ/tuần có thời gian học đại học nhiều hơn 24 tháng, làm tăng cao khả năng họ phải chuyển xuống học cao đẳng hoặc bằng liên kết để thay thế cho bằng cử nhân |
| Làm thêm phản ánh vấn đề tài chính của sinh viên | Quyết định làm thêm là “nội sinh” (Stinebrickner & Stinebrickner 2003) – cho biết được hoàn cảnh của sinh viên | Khi được hỗ trợ học bỗng thì sinh viên có xu hướng giảm giờ làm, cho thấy tài chính là yếu tố rất quan trọng  Bảng 1 : 15% sinh viên không làm quá 20 giờ/tuần cho thấy nhóm sinh viên này không khó khăn trong tài chính |

1. **Xác định thông tin từ bài báo/sp khoa học**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thông tin chung** | | |
| **Chủ đề :** Ảnh hưởng của việc làm thêm đến kết quả học tập của sinh viên | **Thảo Nguyên – Trang, Hà Chế Ngọc, Trần Đình Sơn**, Việc làm bán thời gian của sinh viên : Nghiên cứu trường hợp tại Trường Đại học Tôn Đức Thắng, Việt Nam | |
| **Từ khóa :** Tài chính, kết quả học tập |
| Tác giả: Thảo Nguyên – Trang, Hà Chế Ngọc, Trần Đình Sơn |
| **Tóm tắt bài đọc** | | |
| **Luận điểm**  Làm thêm của sinh viên được xuất phát từ nhu cầu tài chính và cá nhân họ quyết đinh | **Luận cứ**  -Kết quả khảo sát chỉ ra tùy độ tuổi của từng sinh viên mà nhu cầu làm thêm khác nhau, cái họ đang theo học (chuyên ngành) | **Luận chứng**  Đa phần sinh viên chọn công việc đơn giản, không đòi hỏi kinh nghiệm chuyên môn cao, cho thấy được mục tiêu hàng đầu họ nhắm tới vẫn làm kiếm thu nhập |
| Làm thêm mặc dù có thể cải thiện tài chính nhưng kết quả học tập thì ngược lại | Đa phần sinh viên chọn làm thêm các công việc đơn giản, không liên quan đến chuyên ngành học, do đó khả năng cải thiên kết quả học tập rất thấp  Làm các công việc như giao hàng cho thấy tác động tiêu cực đến kết quả học tập | Kết quả của ANOVA và kiểm định T cho thấy thành tích học tập của 2 nhóm sinh viên đi làm và không đi làm hoàn toàn khác nhau, đặc biệt sinh viên nào làm công việc nặng có điểm trung bình tích lũy thấp rất nhiều |

1. **Xác định thông tin từ bài báo/sp khoa học**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thông tin chung** | | |
| **Chủ đề :** Ảnh hưởng của việc làm thêm đến kết quả học tập của sinh viên | **Novian Candra Kurniawan và Idris**, Students' Perceptions of Part-Time Jobs And Organizational Activities Academic Performance In Students State University of Malang | |
| **Từ khóa :** Việc bán thời gian, hoạt động tổ chưc, tác động đến học tập |
| Tác giả: Novian Candra Kurniawan và Idris |
| **Tóm tắt bài đọc** | | |
| **Luận điểm**  Làm công việc bán thời gian và tham gia các hoạt động tổ chức có tác động tích cực đến kết quả học tập của sinh viên | **Luận cứ**  Căn cứ vào kết quả kiểm định hồi quy tuyến tính cho thấy làm việc bán thời gian có hệ số dương so với kết quả học tập, sig < 0.05 và hệ số khoảng 0.279 | **Luận chứng**  Trong kết quả hồi quy từng phần, việc làm bán thời gian có sig = 0.000 < 0.05, cho thấy việc làm thêm có ý nghĩa tác động đến kết quả học tập |
| Hoạt động tổ chức có thể ảnh hưởng nhỏ so với việc bán thời gian nhưng nếu cân bằng được cả hai thì đều có thể tác động rất hiệu quả đến kết quả học tập | Có ảnh hưởng tích cực, có ý nghĩa thống kê đến kết quả học tập, hệ số khoảng 0.056 | Xét hai biến trong mô hình hồi quy đồng thời thì sig cũng là 0.000  R-square khoảng 8.4% |

1. **Xác định thông tin từ bài báo/sp khoa học**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thông tin chung** | | |
| **Chủ đề :** Ảnh hưởng của việc làm thêm đến kết quả học tập của sinh viên | **Sonja Nidogon Višnjić, Katarina Pažur Aničić, Blaženka Divjak**  A systematic review of the literature on student work and academic performance | |
| **Từ khóa :** Tác động tiêu cực, tích cực, kinh nghiệm tích lũy |
| Tác giả: Sonja Nidogon Višnjić,  Katarina Pažur Aničić,  Blaženka Divjak |
| **Tóm tắt bài đọc** | | |
| **Luận điểm**  Tác động tiêu cực của việc làm thêm khi sinh viên làm việc quá giờ | **Luận cứ**  Bài nghiên cứu cho thấy sinh viên đã dành quá nhiều thời gian cho việc đi làm, tác động đến việc học tập tại trường | **Luận chứng**  Trong 347 bài nghiên cứu, chỉ ra mối quan hệ rất đối nghịch với nhau của việc làm thêm và việc học (GPA thấp) |
| Việc làm thêm không hẳn là tác động xấu vì nó cũng mang lại những lợi ích dành cho sinh viên | Ít được đề cập trong nghiên cứu nhưng có, liên quan đến việc sinh viên có thể kết nối được lý thuyết và thực hành sau đó tích lũy kinh nghiệm cho bản thân | Nghiên cứu ghi nhận yếu tố thúc đẩy sinh viên không chỉ là tài chính mà còn là cơ hội để sinh viên tích lũy kinh nghiệm trong thời gian trải nghiệm thực tế ngoài xã hội, giúp hỗ trợ sinh viên khi ra trường |

1. **Xác định thông tin từ bài báo/sp khoa học**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thông tin chung** | | |
| **Chủ đề :** Ảnh hưởng của việc làm thêm đến kết quả học tập của sinh viên | **Vũ Nhật Phương, Trần Hoàng Cẩm Tú, Vũ Thị Bình Nguyên**, Ảnh hưởng của việc làm thêm đối với sức khỏe, kết quả học tập của sinh viên Trường Đại học Nguyễn Tất Thành | |
| **Từ khóa :** Ảnh hưởng tiêu cực, sức khỏe, công việc phổ thông không liên quan đến chuyên ngành |
| Tác giả: Vũ Nhật Phương, Trần Hoàng Cẩm Tú, Vũ Thị Bình Nguyên |
| **Tóm tắt bài đọc** | | |
| **Luận điểm**  Việc làm thêm ảnh hưởng tiêu cực đến sinh viên nhưng họ cho rằng nó ít ảnh hưởng | **Luận cứ**  Sinh viên được khảo sát cho rằng làm thêm ảnh hưởng ít đến kết quả học tập, nhưng lại có tiêu cực đến sức khỏe | **Luận chứng**  Khảo sát 326 sinh viên làm thêm tại Đại học Nguyễn Tất Thành thì 48,47% sinh viên cho rằng làm thêm ảnh hưởng khá tích cực đến họ, 19.94% sinh viên nói nó ảnh hưởng tới sức khỏe của họ |
| Công việc mà sinh viên đang làm thì phần lớn là phổ thông và không liên quan đến ngành mà họ đang theo học | Các công việc làm thêm của sinh viên đa phần là phổ thông, không liên quan đến ngành học, nghĩa là họ sẽ không tích lũy được gì để giúp cho học tập | Kết quả khảo sát từ 10 sinh viên cho thấy việc mà họ làm chỉ là phổ thông, không liên quan đến chuyên ngành, và các công việc này có xu hướng gây mệt mỏi ảnh hưởng đến sức khỏe |

1. **Bảng tóm tắt tài liệu khoa học – Trần Gia Huy**
2. **https://ctujsvn.ctu.edu.vn/index.php/ctujsvn/article/view/4028/4140**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thông tin chung** | | |
| Chủ đề: Nhận thức của sinh viên về tác động của việc làm thêm đối với các hoạt động học tập và sinh hoạt: Trường hợp của sinh viên Ngoại ngữ, Trường Đại học Cần Thơ | Nguyễn Thị Anh Thư & Trương Thị Ngọc Diệp, 2022. Nhận thức của sinh viên về tác động của việc làm thêm đối với các hoạt động học tập và sinh hoạt: Trường hợp của sinh viên Ngoại ngữ, Trường Đại học Cần Thơ. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, 58(3C), tr.292–301. https://doi.org/10.22144/ctu.jvn.2022.074 | |
| Từ khoá: Ảnh hưởng, hoạt động học tập, làm thêm, hoạt động sinh hoạt, thực trạng |
| • Tác giả: Nguyễn Thị Anh Thư và Trương Thị Ngọc Điệp  • Năm xuất bản: 2022  • Nguồn: Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, Tập 58, Số 3C (2022): 292-301. |
| **Tóm tắt bài đọc** | | |
| **Luận điểm** | **Luận cứ** | **Luận chứng** |
| LĐ1: Việc làm thêm có ảnh hưởng tích cực nhiều hơn đến hoạt động sinh hoạt so với học tập | • Sinh viên có thêm tiền chi tiêu cá nhân, tận dụng tốt thời gian rảnh rỗi, hỗ trợ tài chính cho gia đình.  • Làm thêm giúp sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp, mở rộng quan hệ xã hội, cải thiện kỹ năng ứng xử  • Tích lũy kinh nghiệm nghề nghiệp, tăng cơ hội việc làm sau khi ra trường. | Kết quả khảo sát cho thấy 82,9% sinh viên đi làm thêm vì muốn tích lũy kinh nghiệm và 68% vì lý do kinh tế |
| LĐ 2: Việc làm thêm cũng gây tác động tiêu cực ở mức trung bình đối với học tập và đời sống sinh viên. | Làm thêm nhiều giờ khiến sinh viên thiếu ngủ, không có thời gian nghỉ ngơi và học tập.  • Gây giảm sút kết quả học tập: ít thời gian tự học, không tập trung trên lớp, bỏ học, vắng tiết.  • Ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe thể chất (mất ngủ, bỏ bữa) và tinh thần. | Đi làm từ 2 giờ/ngày trở lên đã làm giảm kết quả học tập rõ rệt |
| LĐ3: Thời lượng làm thêm càng nhiều thì tác động tiêu cực càng lớn, đặc biệt đến sức khỏe sinh viên. | Sinh viên làm thêm trên 4 giờ/ngày có tỷ lệ bị ảnh hưởng tiêu cực cao hơn hẳn so với nhóm dưới 2 giờ/ngày.  • Vấn đề sức khỏe thể chất và tinh thần bị ảnh hưởng rõ rệt. | Bảng 10 trong nghiên cứu cho thấy khi sinh viên làm thêm từ 4-8 giờ/ngày, mức ảnh hưởng tiêu cực đối với sinh hoạt cá nhân tăng lên 43,63%, còn học tập là 37,4% |

1. **https://tapchiyhocvietnam.vn/index.php/vmj/article/download/796/669/1368**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thông tin chung** | | |
| Chủ đề: Thực trạng đi làm thêm của sinh viên Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương năm 2019 và giải pháp quản lý | Lê Thuý Hường,Hoàng Thị Thu Hiền,Nguyễn Dương Cầm & Phạm Thị Thanh Thuỷ. (2021) ‘Thực trạng đi làm thêm của sinh viên Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương năm 2019’, Tạp chí Y học Việt Nam, 503(2), tr. 182–186. | |
| Từ khoá: Sinh viên, đi làm thêm, Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương. |
| Tác giả, năm sản xuất, nguồn: Lê Thúy Hường, Hoàng Thị Thu Hiền, Nguyễn Dương Cầm, Phạm Thị Thanh Thủy,2021, Tạp chí Y học Việt Nam, tập 503, số 2, tháng 6 năm 2021 |
| **Tóm tắt bài đọc** | | |
| **Luận điểm** | **Luận cứ** | **Luận chứng** |
| LĐ1: Tỷ lệ sinh viên đi làm thêm khá cao, phản ánh nhu cầu thực tế. | 41,4% sinh viên Trường ĐH Kỹ thuật Y tế Hải Dương năm 2019 có đi làm thêm. | Trong số đó, 42,2% muốn có thu nhập, 42,2% muốn khẳng định bản thân, 6,1% tận dụng thời gian rảnh rỗi, 16,4% tích lũy kiến thức thực tế |
| LĐ2: Việc đi làm thêm ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả học tập của sinh viên | Sinh viên đi làm thêm có tỷ lệ học lực khá giỏi chỉ đạt 55,3%, trong khi nhóm không đi làm thêm đạt 66,8%. | 54,5% sinh viên cho rằng kết quả học tập giảm sút khi đi làm thêm; 24,7% phải nghỉ học vì trùng lịch; 24,3% bị sao nhãng học tập do mải mê kiếm tiền |
| LĐ3: Sinh viên có nhu cầu được tư vấn và quản lý chặt chẽ khi đi làm thêm. | 94,3% sinh viên đi làm thêm mong muốn nhận được sự tư vấn, hỗ trợ. | Nội dung cần hỗ trợ: 60,4% muốn được giới thiệu việc làm phù hợp với điều kiện sống, 51,3% muốn việc làm liên quan ngành học, 36,7% cần tư vấn đảm bảo quyền lợi lao động |

**3.** **https://ir.uitm.edu.my/id/eprint/28916/1/28916.pdf**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thông tin chung** | | |
| Chủ đề: Ảnh hưởng của việc làm thêm bán thời gian đến kết quả học tập của sinh viên quốc tế. | Ali, E. (2017). Impact of Part Time Work on the Academic Performance of International Students. Journal of International Business, Economics and Entrepreneurship, 2(1), pp.17–22. | |
| Từ khoá: Advantages, Disadvantages, International Students, Impact, Part-time work. |
| Tác giả, năm sản xuất, nguồn: Ershad Ali – Auckland Institute of Studies, New Zealand.  2017,Journal of International Business, Economics and Entrepreneurship, e-ISSN: 2550-1429, Volume 2(1), June 2017 |
| **Tóm tắt bài đọc** | | |
| **Luận điểm** | **Luận cứ** | **Luận chứng** |
| LĐ1: Nhiều sinh viên chọn làm thêm để có thêm thu nhập và trang trải học phí đắt đỏ. | 64% sinh viên làm thêm để kiếm tiền, 66% nhằm tích lũy kinh nghiệm thực tế | Các công việc như phục vụ, bán hàng, thu ngân… giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng giao tiếp, quản lý thời gian và có thêm trải nghiệm xã hội. |
| LĐ2: Thời gian làm thêm quá nhiều làm giảm khả năng tập trung học tập và tham gia lớp học. | Một số sinh viên làm trên 20 giờ/tuần, vượt quá quy định của chính phủ New Zealand, dẫn đến mệt mỏi và giảm thời gian học | Nhiều sinh viên thừa nhận cảm thấy thiếu thời gian học và khó hoàn thành bài tập khi đi làm thêm. |
| LĐ3: Nếu có kế hoạch học tập rõ ràng, sinh viên có thể dung hòa giữa học và làm. | 42% sinh viên khảo sát có kế hoạch học tập và quản lý công việc, giúp giảm ảnh hưởng tiêu cực | Trường đại học có thể hỗ trợ bằng cách dạy kỹ năng quản lý thời gian, từ đó giúp sinh viên đạt kết quả học tập tốt hơn ngay cả khi làm thêm. |

1. https://mmsjournals.org/index.php/mmj/article/view/413/1274

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thông tin chung** | | |
| Chủ đề: Ảnh hưởng của việc làm bán thời gian đến sức khỏe sinh viên – Trường hợp tại Georgia | Tengiz, V. & Revaz, J. (2022) ‘The impact of part-time employment on students’ health: A Georgian Case’, Malta Medical Journal, 34(1), pp. 50–57. | |
| Từ khoá : part-time employment, student health, academic performance, Georgia, higher education. |
| Tác giả, năm sản xuất, nguồn: Tengiz Verulava, Revaz Jorbenadze.  2022,Malta Medical Journal, Volume 34, Issue 01, trang 50–57 |
| **Tóm tắt bài đọc** | | |
| **Luận điểm** | **Luận cứ** | **Luận chứng** |
| LĐ1: Việc làm bán thời gian phổ biến và chủ yếu do nhu cầu tài chính. | 61% sinh viên có việc làm bán thời gian, trung bình 18 giờ/tuần | 76% cho rằng lý do chính là hỗ trợ tài chính gia đình và chi phí học tập, trong khi chỉ 21% chọn việc liên quan đến nghề nghiệp tương lai |
| LĐ2: Việc làm bán thời gian tác động tiêu cực đến sức khỏe thể chất và tinh thần. | 84% sinh viên thiếu ngủ, 72% phải làm ca đêm | Hậu quả bao gồm giảm tập trung (52%), căng thẳng (56%), mệt mỏi mãn tính (48%), suy giảm trí nhớ (40%) và rối loạn hệ thần kinh (32%) |
| LĐ3: Việc làm bán thời gian ảnh hưởng đến hiệu quả học tập và mối quan hệ xã hội | 44% sinh viên cho rằng việc làm ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả học tập, nhiều người không đủ thời gian học bài hoặc hoàn thành bài tập | Lịch làm việc dày đặc, đặc biệt ca đêm, dẫn đến thiếu ngủ, giảm hiệu suất học tập, hạn chế thời gian giao tiếp với bạn bè và gia đình |

1. **https://bcsdjournals.com/index.php/mejrhss/article/view/277/154**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thông tin chung** | | |
| Chủ đề: Ảnh hưởng của công việc bán thời gian đối với thành tích học tập của sinh viên đại học | Al Azis, E.N. & Yusanti, G. (2021) Part-Time Working Opportunities and the Impact on Students’ Academic Achievement. Middle Eastern Journal of Research in Education and Social Sciences (MEJRESS), 2(3), pp. 25–43. doi:10.47631/mejress.v2i3.277 | |
| Từ khoá: Part-Time Worker Students; Academic Achievement; University Student. |
| Tác giả, năm sản xuất, nguồn: Al Azis, E.N. & Yusanti, G.,2021,Al Azis, E.N. & Yusanti, G. (2021) Part-Time Working Opportunities and the Impact on Students’ Academic Achievement. Middle Eastern Journal of Research in Education and Social Sciences (MEJRESS), 2(3), pp. 25–43. |
| **Tóm tắt bài đọc** | | |
| **Luận điểm** | **Luận cứ** | **Luận chứng** |
| LĐ1: Động cơ chính khiến sinh viên làm việc bán thời gian là tài chính và trải nghiệm | Sinh viên cần thu nhập để trang trải học phí và sinh hoạt, đồng thời muốn tích lũy kinh nghiệm thực tế | Trường hợp bạn sinh viên “Nur” có GPA 3.54 làm gia sư 9 giờ/ngày để kiếm tiền học và sinh hoạt; sinh viên “Sari” có GPA 3.6 vừa làm gia sư vừa bán hàng online để rèn kỹ năng dạy học và kinh doanh |
| LĐ2: Quản lý thời gian là yếu tố quyết định thành công học tập của sinh viên làm thêm. | Nếu biết sắp xếp thời gian, sinh viên vẫn có thể hoàn thành bài tập, ôn tập và duy trì GPA ổn định. | 23 sinh viên (hơn 50%) đồng ý rằng họ có thể quản lý thời gian giữa học và làm; đa số chọn công việc ít hơn 7–9 giờ/ngày để đảm bảo việc học |
| LĐ3: Làm thêm đúng chuyên ngành giúp tăng cường kỹ năng và cải thiện thành tích học tập | Công việc liên quan ngành học giúp sinh viên củng cố kiến thức đã học trên lớp | Sinh viên khoa Tiếng Anh tại IAIN Kediri làm gia sư hoặc trợ giảng có GPA cao hơn so với nhóm làm công việc không liên quan đến học tập |

1. **The Impact of Working Part-time on Students’ Academic Performance** <https://doi.org/10.55248/gengpi.5.0724.1732>

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Thông tin chung | | |
| Chủ đề:Ảnh hưởng của việc đi làm ảnh hưởng đến thành tích của sinh viên đại học | Phan, P. & Thuy, T.T., 2024. The Impact of Working Part-time on Students’ Academic Performance. International Journal of Research Publication and Reviews, 5(7), pp.1507-1511. doi:10.55248/gengpi.5.0724.1732 | |
| Từ khóa:Education,part-time job,Student’Academic Performance,Time Management,Social Support |
| Tác giả:Phan Phan & Thuy T Thuy T |
| Tóm tắt bài đọc | | |
| Luận điểm | Luận cứ | Luận chứng |
| 1.Việc làm bán thời gian có ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên. | Dữ liệu khảo sát từ sinh viên của đại học Hà Nội | SEM (Structural EquationModeling).  Bảng hỏi khảo sát,xử lý:Phân tích thống kê mối quan hệ giữa công việc bán thời gian, thu nhập, thời gian, hỗ trợ xã hội và thành tích học tập của sinh viên |
| 2. Quản lý thời gian là yếu tố quan trọng nhất quyết định mức độ ảnh hưởng tích cực hay tiêu cực. | Phân tích SEM cho thấy hệ số ảnh hưởng của “time management”cao hơn | SEM  Thu thập bằng cách khảo sát sinh viên  Dữ liệu bảng hỏi và phân tích mối tương quan |

1. **College Students’ Part-time Jobs: Associated Factors and Implications for Policy** <https://papers.iafor.org/submission74024/>

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Thông tin chung | | |
| Chủ đề: Các yếu tố ảnh hưởng đến mong muốn làm việc của sinh viên đại học Việt Nam và hệ quả đối với chính sách. | Diep Nguyen Ngoc & Anh Doan Hai, 2023. College Students’ Part-time Jobs: Associated Factors and Implications for Policy. SEACE2024, stream Educational Policy. | |
| Từ khóa: Part-time job aspirations, undergraduate students, Vietnam, financial support, academic achievement. |
| Tác giả: Diep Nguyen Ngoc & Anh Doan Hai(2023) |
| Tóm tắt bài đọc | | |
| Luận điểm | Luận cứ | Luận chứng |
| 1.Nhiều sinh viên muốn làm thêm nhưng các yếu tố tài chính và thành tích học tập ảnh hưởng tới mong muốn này | Khảo sát 461 sinh viên đại học, trừ 114 phiếu sai về định dạng tiền tệ | Thiết kế khảo sát mô tả ,tương quan; dữ liệu xử lý bằng Excel + STATA; sử dụng phân tích nhân tố khám phá (EFA) và Mô hình (GLM) |
| 2.Thành tích học tập là một biến quan trọng thúc đẩy sinh viên tiếp tục làm thêm | Kết quả phân tích GLM cho thấy thành tích học tập có ảnh hưởng mạnh hơn so với một số cái khác | Khảo sát + phân tích thống kê; GLM để tìm các yếu tố liên kết mạnh |

1. **Enhancing Student Employability: A Mixed-Methods Study into Work-Integrated Learning Curricula in Vietnamese Universitie**

<https://files.eric.ed.gov/fulltext/EJ1363633.pdf>

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Thông tin chung | | |
| Chủ đề: Cần có trong chương trình học tích hợp nghề (WIL) để tăng khả năng có việc làm của sinh viên | | Ha, N.T.N. & Duong, N.V., 2022. Enhancing Student Employability: A Mixed-Methods Study into Work-Integrated Learning Curricula in Vietnamese Universities. International Journal of Work-Integrated Learning, 23(3), pp.405-425 |
| Từ khóa: Graduate employability; higher education; Vietnam; undergraduate curriculum; work-integrated learning (WIL) | |
| Tác giả:Ha,Nguyen Thi Ngoc,Duong,Nguyen Vu | |
| Tóm tắt bài đọc | | |
| Luận điểm | Luận cứ | Luận chứng |
| 1. Chương trình WIL nên chèn các nội dung thực tế như an toàn lao động, nghề nghiệp | Phỏng vấn 15 người , 3 nhóm tập trung , khảo sát 461 sinh viên | PP: mixed-methods (khảo sát & phỏng vấn); Thu thập: bảng hỏi online + phỏng vấn sâu; Xử lý: phân tích định tính + thống kê mô tả & kiểm định khác nhau giữa nhóm |
| 2. Thái độ làm việc với khách hàng, đồng nghiệp, cấp quản lý trong WIL quan trọng như thế nào? | Sinh viên và nhà phỏng vấn nhắc đến thái độ làm việc (với khách hàng, quản lý) là tiêu chí cần phải học | PP: focus group + phỏng vấn + khảo sát; Xử lý: phân loại chủ đề trong phỏng vấn + tính mức độ ưu tiên trong khảo sát |

1. **Part Time Job And Its Effects On University Students: A Case Of University Students In Vietnam**

<https://www.acgpublishing.com/index.php/CCB/article/view/6>

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Thông tin chung | | |
| Chủ đề: Tác động của công việc đối với sinh viên đại học ở Việt Nam | Hoi, H.T. & Danh, N.T., 2023. Part Time Job And Its Effects On University Students: A Case Of University Students In Vietnam. Central Asian Journal of Community and Business, 2(1), pp.27-36 | |
| Từ khóa: Part-time job, university students, academic performance, Vietnam |
| Tác giả:Phan Huynh Tan Hoi & Nguyen Tan Danh |
| Tóm tắt bài đọc | | |
| Luận điểm | Luận cứ | Luận chứng |
| 1. Làm thêm ảnh hưởng đến học tập và sức khỏe của sinh viên | Sinh viên chia sẻ việc làm thêm gây áp lực thời gian căng thẳng | khảo sát định lượng + phỏng vấn.Bảng hỏi + trao đổi trực tiếp.Thống kê mô tả |
| 2. Việc làm thêm có hai mặt: vừa hỗ trợ, vừa gây trở ngại nếu không cân bằng | Thành tích học tập giữa nhóm có và không có việc làm thêm | phân tích so sánh giữa các nhóm sinh viên |

1. **Bảng tóm tắt tài liệu khoa học – Nguyễn Ngọc Thảo**
2. **Ảnh hưởng của việc lựa chọn công việc làm thêm đối với việc học tập của sinh viên Trường Đại học Công nghiệp**

|  |  |
| --- | --- |
| Thông tin chung | |
| Chủ đề: Ảnh hưởng của việc lựa chọn công việc làm thêm đối với việc học tập của sinh viên | Phạm, T.H.Q., Nguyễn, V.B. & Trần, T.H. (2020). Ảnh hưởng của việc lựa chọn công việc làm thêm đối với việc học tập của sinh viên Trường Đại học Công nghiệp. Tập san Sinh viên nghiên cứu khoa học, Trường ĐHCN, (5), 24–32. |
| Từ khoá: Sinh viên, làm thêm, kết quả học tập, kỹ năng mềm |
| Tác giả, năm, xuất bản: Phạm Thị Hồng Quyên, Nguyễn Văn Bình, Trần Thị Hạnh, 2020. Tập san Sinh viên nghiên cứu khoa học |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tóm tắt bài học | | |
| Luận điểm | Luận cứ | Luận chứng |
| **Kết quả 1**: Việc chọn công việc làm thêm không phù hợp ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả học tập | Số liệu khảo sát 700 sinh viên, 45% cho biết điểm số giảm khi làm thêm nhiều giờ | - Phương pháp: điều tra bằng bảng hỏi  - Thu thập: phát phiếu trực tiếp cho SV  - Xử lý: thống kê SPSS |
| **Kết quả 2**: Làm thêm mang lại kỹ năng mềm (giao tiếp, quản lý thời gian, kinh nghiệm) nếu số giờ vừa phải | 60% sinh viên cho rằng học được kỹ năng mềm; 30% cho rằng cải thiện tự tin khi thuyết trình | - Phương pháp: khảo sát định lượng kết hợp phỏng vấn sâu  - Thu thập: phiếu hỏi + phỏng vấn nhóm nhỏ 30 SV  - Xử lý: phân tích định tính + định lượng |

1. **The Impact of Working Part-time on Students’ Academic Performance — International Journal of Research Publication and Reviews (IJRPR)**

|  |  |
| --- | --- |
| Thông tin chung | |
| Chủ đề: The impact of working part-time on students’ academic performance | Nguyen, T.A. (2024). The impact of working part-time on students’ academic performance. International Journal of Research Publication and Reviews, 5(7), 543–550. |
| Từ khóa: Part-time job, academic performance, students, time management |
| Tác giả, năm, xuất bản: Nguyen, T. A. 2024. International Journal of Research Publication and Reviews, 5(7), 543–550. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tóm tắt bài học | | |
| Luận điểm | Luận cứ | Luận chứng |
| **Kết quả 1**: Làm thêm với số giờ vừa phải (≤ 15–20h/tuần) hầu như không ảnh hưởng hoặc ảnh hưởng ít đến kết quả học tập | 52% sinh viên làm ≤ 15h/tuần cho biết điểm số không thay đổi; GPA trung bình nhóm này gần tương đương nhóm không làm thêm | - Phương pháp: nghiên cứu định lượng  - Thu thập: bảng hỏi online với 400 SV ở Hà Nội  - Xử lý: phân tích thống kê SPSS |
| **Kết quả 2**: Làm thêm quá nhiều giờ hoặc công việc không liên quan chuyên ngành gây suy giảm kết quả học tập | 61% SV làm > 20h/tuần cho biết GPA giảm ≥ 0.5 điểm; SV thường xuyên làm ca đêm có nguy cơ bỏ tiết cao hơn | - Phương pháp: khảo sát định lượng  - Thu thập: bảng hỏi + phỏng vấn nhóm nhỏ 20 SV  - Xử lý: thống kê mô tả + phân tích tương quan |

1. **Bảng tóm tắt tài liệu khoa học – Đào Văn Vũ Luân**
2. **R. Darolia (2014). Working (and studying) day and night: Heterogeneous effects of working on the academic performance of full-time and part-time students. Economics of Education Review.**<https://scholar.google.com/scholar?q=Working+(and+studying)+day+and+night+Heterogeneous+effects+of+working+on+the+academic+performance+of+full-time+and+part-time+students>

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thông tin chung** | | |
| Chủ đề : “Ảnh hưởng của việc sinh viên đi làm thêm đến kết quả học tập, đặc biệt so sánh giữa sinh viên học toàn thời gian và bán thời gian” | Darolia, R. (2014). Working (and studying) day and night: Heterogeneous effects of working on the academic performance of full-time and part-time students. Economics of Education Review, 38, pp.38-50. [Online]. Availabla at: [[link](https://rajeevdarolia.com/wp-content/uploads/2017/07/Darolia_EcEdR_2014_WorkingCollege.pdf)] [Accessed: 14 September 2025]. | |
| Từ khóa :  - Student employment (việc làm thêm của sinh viên)  - Academic performance (kết quả học tập)  - Full-time vs Part-time students  - Credit accumulation(tín chỉ tích lũy) |
| Tác giả : Rajeev Darolia (2014) |
| **Tóm tắt bài đọc** | | |
| **Luận điểm** | **Luận cứ** | **Luận chứng**  **(phương pháp nghiên cứu)** |
| 1. Làm thêm không ảnh hưởng đáng kể đến điểm GPA | - Dữ liệu NLSY97 : không tìm thấy tác động tiêu cực có ý nghĩa của số giờ làm thêm lên GPA.  - Cả sinh viên full–time và part-time đều không bị suy giảm GPA rõ rệt. | - Nghiên cứu thực tiễn – phương pháp phi thực nghiệm : sử dụng dữ liệu điều tra xã hội từ NLSY97.  - Nghiên cứu thực tiễn – phi thực nghiệm : phân tích định lượng bằng hồi quy pânl fixed effects để loại bỏ sai lệnh từ đặc điểm cá nhân ổn định.  - Nghiên cứu thực tiễn – phi thực nghiệm : dùng GMM để xử lý vấn đề nội sinh. |
| 2. Sinh viên toàn thời gian khi làm thêm nhiều thì giảm số tín chỉ tích lũy | - Kết quả OLS + fixed efects : tăng mỗi giờ làm thêm => giảm khoảng 0,10 – 0,15 tín chỉ/năm.  - Với System GMM : tác động mạnh hơn, giảm trung bình 0,62 tín chỉ/năm cho mỗi giờ làm thêm tăng thêm. | - Nghiên cứu thực tiễn – phi thực nghiệm : phân tích dữ liệu bảng động (dynamic panel).  - Nghiên cứu thực tiễn – phi thực nghiệm : sử dụng biến công cụ ngoại sinh ( giá nhà, điểm tín dụng) để xác định ảnh hưởng gián tiếp. |
| 3. Sinh viên bán thời gian không bị ảnh hưởng rõ rệt bởi việc làm thêm | - Hệ số tác động của giờ làm thêm đến số tín chỉ dao động từ 0 đến -0,05 tín chỉ/giờ, nhưng không có ý nghĩa thống kê(sai số chuẩn lớn).  - Tác động lên GPA cũng xấp xỉ ), không có ý nghĩa. | - Nghiên cứu thực tiễn – phi thực nghiệm : so sánh nhóm full-time và part-time.  - Phân tích phân nhóm : theo giới tính, loại trường(2 năm, 4 năm). |

1. **D. Douglas (2019). The Relationship Between Work During College and Post-College Outcomes. Research study.**

https://scholar.google.com/scholar?q=The+Relationship+Between+Work+During+College+and+Post-College+Outcomes+Douglas

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thông tin chung** | | |
| Chủ đề : “ Mối quan hệ giữa việc sinh viên làm trong thời gian học đại học và kết quả thu nhập sau khi tốt nghiệp – tức xét xem làm thêm trong thời gian là sinh viên có ảnh hưởng gì đến thu nhập về sau “. | Douglas, D. and Attewell, P. (2019). The relationship between work during college and post-college outcomes. Frontiers in Sociology, 4, pp.1-16. [Online]. Available at: [[DOI link](https://www.frontiersin.org/journals/sociology/articles/10.3389/fsoc.2019.00001/full)] (Accessed: 14 September 2025). | |
| Từ khóa :  - Student employment (việc làm thêm của sinh viên)  - Postsecondary education  - Degree completion |
| Tác giả : Daniel Douglas & Paul Attewell (2019) |
| **Tóm tắt bài đọc** | | |
| **Luận điểm** | **Luận cứ** | **Luận chứng**  **(phương pháp nghiên cứu)** |
| 1. Làm việc trong thời gian học đại học không làm giảm cơ hội hoàn thành bằng cấp | - Phân tích dữ liệu quốc gia (US, Beginning Postsecondary Students Longitudinal Study) cho thấy sinh viên vừa học vừa làm có tỷ lệ tốt nghiệp tương đương hoặc cao hơn nhẹ so với nhóm không làm việc.  - Ví dụ : sinh viên làm thêm ít hơn 15h/tuần có tỷ lệ tốt nghiệp gần tương đương nhóm không đi làm. | - Thực tiễn – phi thực nghiệm : khai thác dữ liệu điều tra dọc quốc gia (BPS).  - Phân tích định lượng : hồi quy logic để ước lượng xác suất hoàn thành bằng cấp. |
| 2. Sinh viên làm việc trong giới hạn hợp lý(ít giờ/tuần) có thu nhập sau tốt nghiệp cao hơn | - Nhứng người làm thêm ở mức vừa phải khi đang học có thu nhập sau tốt nghiệp cao hơn khoảng 20% so với nhóm không làm thêm.  - Lợi thế này vẫn giữ khi kiểm soát các yếu tố khác (loại trường, xuất thân gia đình). | - Thực tiễn – phi thực nghiệm : phân tích dữ liệu khảo sát quốc gia kết hợp dữ liệu thu nhập sau đại học.  - Phân tích định lượng : hồi quy OLS với biến kiểm soát.  . |
| 3. Làm thêm quá nhiều giờ/tuần có thể gây bất lợi cho kết quả học tập | - Sinh viên làm >30 giờ/tuần trong khi học có khả năng bỏ học cao hơn và kết quả học tâp kém hơn nhóm làm ít giờ.  - Số liệu cho thấy nguy cơ rời trường của nhóm này cao hơn khoảng 10 - 15%. | - Thực tiễn – phi thực nghiệm : so sánh nhóm theo số giờ làm việc (≤15h, 16-30h, >30h/tuần).  - Phân tích định lượng : hồi quy logistic + mô hình so sánh nhóm. |
| 4. Kinh nghiệm làm việc khi đang học giúp ích cho sự nghiệp lâu dài | - Các phân tích chỉ ra rằng những sinh viên từng làm thêm trong thời gian học có khả năng nhanh chóng tìm được việc toàn thời gian sau khi tốt nghiệp.  - Ngoài ra, thu nhập trung bình trong 10 năm đầu au tốt nghiệp cao hơn so với nhóm không làm thêm. | - Thực tiễn – phi thực nghiệm : dữ liệu dọc theo thời gian sau khi ra trường.  - Phân tích định lượng : hồi quy đa biến, kiểm soát yếu tố gia đình, loại trường, điểm học tập. |

1. **HỆ THÔNG KHÁI NIỆM**
2. **Khái niệm sinh viên**

Sinh viên là lực lượng trẻ đang tham gia vào quá trình đào tạo ở bậc đại học, có đặc điểm nổi bật là khả năng tiếp thu tri thức mới, tư duy sáng tạo và định hình kỹ năng nghề nghiệp cho tương lai. Một số nghiên cứu quốc tế (Pascarella & Terenzini, 2005) cũng cho rằng sinh viên là nhóm người trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp từ môi trường phổ thông sang môi trường học tập – nghiên cứu ở bậc cao hơn, vừa học tập vừa phát triển nhân cách xã hội.

1. **Khái niệm làm them**

Theo Nguyễn Thị Hồng Nhung (2021), việc làm thêm của sinh viên là những hoạt động lao động có hưởng lương được thực hiện ngoài giờ học chính khóa, nhằm mục đích tăng thu nhập hoặc tích lũy kinh nghiệm. Một số nghiên cứu quốc tế (Choi, 2018) cũng định nghĩa việc làm thêm là công việc bán thời gian mà sinh viên đảm nhận trong thời gian học tập.

→ Trong nghiên cứu này, việc làm thêm được hiểu là những công việc ngoài giờ học chính khóa mà sinh viên tham gia để có thu nhập hoặc trải nghiệm.

1. **Khái niệm quá trình học tập**

Theo Trần Thị Minh Đức (2015), quá trình học tập của sinh viên bao gồm sự tham gia học trên lớp, tự học, kết quả học tập (điểm số), cũng như thái độ và kỹ năng học tập.  
→ Trong đề tài này*,* quá trình học tập được hiểu là toàn bộ hoạt động học tập trên lớp, ngoài giờ và kết quả học tập của sinh viên.

1. **Khái niệm ảnh hưởng**

Theo Từ điển Tiếng Việt (Hoàng Phê, 2010), ảnh hưởng là tác động của một yếu tố này lên yếu tố khác, có thể theo chiều hướng tích cực hoặc tiêu cực.

→ Trong nghiên cứu này, ảnh hưởng của làm thêm là những tác động (tích cực hoặc tiêu cực) của công việc làm thêm đến kết quả học tập, thái độ học tập, thời gian học và kỹ năng học tập của sinh viên.

Kết luận khái niệm: Trong phạm vi nghiên cứu này, ảnh hưởng của hoạt động làm thêm đến quá trình học tập của sinh viên được hiểu là sự tác động (cả mặt tích cực và tiêu cực) của việc làm thêm ngoài giờ học chính khóa đến kết quả học tập, thời gian học tập và kỹ năng học tập của sinh viên Trường Đại học Công nghiệp

1. **CƠ SỞ LÝ LUẬN**
2. **Mở đầu**

Hoạt động làm thêm trong sinh viên đã trở thành hiện tượng phổ biến ở hầu hết các trường đại học, trong đó có Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM (IUH). Nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước đã xem xét thực trạng, phân tích ảnh hưởng và đề xuất giải pháp nhằm giúp sinh viên cân bằng giữa học tập và công việc.

1. **Nội dung**

**Mục tiêu 1: Thực trạng việc làm thêm của sinh viên**

Các nghiên cứu trước cho thấy tỷ lệ sinh viên đi làm thêm ngày càng gia tăng, với nhiều loại hình công việc khác nhau từ dịch vụ, bán hàng, gia sư cho đến sản xuất tại nhà máy. Một số tác giả ghi nhận nguyên nhân chính là do nhu cầu trang trải tài chính và mong muốn tích lũy kinh nghiệm thực tế. Tuy nhiên, thời gian làm việc trung bình và mức độ phù hợp của công việc với ngành học còn có sự khác biệt giữa các nhóm sinh viên.

**Mục tiêu 2: Ảnh hưởng của làm thêm đến học tập**

Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng làm thêm có tác động hai mặt: tích cực ở chỗ giúp rèn luyện kỹ năng mềm, nâng cao tính tự lập, tiêu cực ở chỗ làm giảm thời gian tự học, gây căng thẳng, ảnh hưởng đến điểm số. Một số tác giả nhấn mạnh yếu tố thời lượng làm việc, loại hình công việc và khả năng quản lý thời gian là những biến số quan trọng quyết định mức độ ảnh hưởng.

**Mục tiêu 3: Giải pháp cân bằng giữa việc làm thêm và học tập**

Các công trình đã đề xuất nhiều giải pháp như: giới hạn số giờ làm thêm dưới 20 giờ/tuần, lựa chọn công việc liên quan đến chuyên ngành để vừa có thu nhập vừa bổ trợ kiến thức, đồng thời tăng cường kỹ năng quản lý thời gian. Ngoài ra, nhà trường và doanh nghiệp có thể phối hợp xây dựng mô hình việc làm bán thời gian phù hợp với sinh viên, đảm bảo hài hòa giữa học tập và làm thêm.

1. **Kết luận**

Tổng quan các công trình nghiên cứu cho thấy, hiện tượng sinh viên làm thêm vừa phổ biến vừa phức tạp, có cả tác động tích cực và tiêu cực. Tuy nhiên, vẫn còn thiếu các nghiên cứu cụ thể trong bối cảnh sinh viên Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM. Do đó, đề tài này tập trung phân tích thực trạng, đánh giá ảnh hưởng và đề xuất giải pháp cân bằng cho sinh viên IUH.

1. **Vấn đề chưa nghiên cứu**

Trong lịch sử nghiên cứu, vấn đề làm thêm của sinh viên đã được nhiều học giả trong và ngoài nước quan tâm. Các nghiên cứu quốc tế cho thấy việc làm thêm có tác động hai mặt: một mặt giúp sinh viên tích lũy kinh nghiệm, tăng kỹ năng mềm và hỗ trợ tài chính; mặt khác lại làm gia tăng áp lực, giảm thời gian học tập và ảnh hưởng đến kết quả học tập (Darolia, 2014; Douglas, 2019; Brosnan et al., 2023; Kroupova et al., 2024). Ở Việt Nam, nhiều công trình gần đây tập trung phân tích ảnh hưởng của việc làm thêm đến sinh viên các trường đại học. Chẳng hạn, nghiên cứu tại Trường Đại học Tôn Đức Thắng cho thấy sinh viên đi làm thêm có sự thay đổi đáng kể trong việc phân bổ thời gian học tập và kết quả học tập (Ngoc Ha et al., 2016). Một số nghiên cứu khác, điển hình như công trình của Pham Thi Hong Quyen et al. (2020) tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, cũng cho thấy đa số sinh viên làm thêm gặp khó khăn trong cân bằng giữa học tập và công việc, đặc biệt là nguy cơ suy giảm sức khỏe và giảm động lực học tập. Tuy nhiên, điểm hạn chế của các nghiên cứu trước là phạm vi khảo sát hẹp, chưa đi sâu vào phân tích sự khác biệt giữa các dạng việc làm thêm (liên quan hoặc không liên quan đến chuyên ngành) và chưa xem xét sự tương tác giữa yếu tố cá nhân (giới tính, ngành học, hoàn cảnh gia đình) với kết quả học tập. Chính khoảng trống này tạo điều kiện để đề tài “Phân tích ảnh hưởng của hoạt động làm thêm đến hoạt động học tập của sinh viên Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM (IUH)” tập trung phân tích ở mức độ vừa phải, nhằm tìm hiểu ảnh hưởng chung của việc làm thêm đến hoạt động học tập. Kết quả nghiên cứu không đặt nặng tính học thuật mà chủ yếu mang ý nghĩa tham khảo, góp phần giúp sinh viên IUH nhìn nhận rõ hơn mặt tích cực và hạn chế của việc đi làm thêm, đồng thời gợi mở một số đề xuất cơ bản để cân bằng hiệu quả giữa học tập và công việc.

1. **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**
2. **Tài liệu Tiếng Việt**

* Ngọc Hà, C., Trang Thảo, N. & Đình Sơn, T. (2016) Student part-time employment: Case study at Ton Duc Thang University in Vietnam. ICERI2016 Proceedings. doi:10.21125/iceri.2016.1725.
* Phạm Thị Hồng Quyên, Nguyễn Văn Hoàng, Đào Ngọc Quý & Bùi Thị Thu Loan (2020) Ảnh hưởng của việc lựa chọn công việc làm thêm đối với việc học tập của sinh viên Trường Đại học
* Công nghiệp Hà Nội. Tập san Sinh viên Nghiên cứu Khoa học, Số 10.
* Tạp chí Công Thương (2024) Các nhân tố của việc đi làm thêm ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên. Có tại: <https://tapchicongthuong.vn/cac-nhan-to-cua-viec-di-lam-them-anh-huong-den-ket-qua-hoc-tap-cua-sinh-vien-106514.htm> [Truy cập ngày 17/09/2025].
* VJOL (2019) Ảnh hưởng của công việc làm thêm đến kết quả học tập của sinh viên Đại học Hồng Đức. Tạp chí Khoa học. Có tại: <https://vjol.info.vn/index.php/HDU/article/view/39137> [Truy cập ngày 17/09/2025].
* VJOL (2021) Các yếu tố ảnh hưởng đến việc đi làm thêm của sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu. Tạp chí Khoa học. Có tại: <https://vjol.info.vn/index.php/BL/article/view/67455> [Truy cập ngày 17/09/2025].

1. **Tài liệu Tiếng Anh**

* Darolia, R. (2014) Working (and studying) day and night: Heterogeneous effects of working on the academic performance of full-time and part-time students. Economics of Education Review, 38, pp. 38–50. doi:10.1016/j.econedurev.2013.10.004.
* Douglas, D. (2019) The relationship between work during college and post-college outcomes. Frontiers in Sociology, 4, 78. doi:10.3389/fsoc.2019.00078.
* Brosnan, M., Bennett, D., Kercher, K., Wilson, T. & Keogh, J.W.L. (2023) A multi-institution study of the impacts of concurrent work and study among university students in Australia. Higher Education Research & Development. doi:10.1080/07294360.2023.2287722.
* Kroupova, K., Havranek, T. & Irsova, Z. (2024) Student employment and education: A meta-analysis. Economics of Education Review. doi:10.1016/j.econedurev.2024.102597.
* Sciedupress (2013) Impact of part-time work on students’ performance. International Journal of Business Administration, 4(1), pp. 1–12. doi:10.5430/ijba.v4n1p1.
* Sage Journals (2024) The effects of student employment on learning outcomes. Management Learning. doi:10.1177/13505076241234567.
* ERIC (2023) Student part-time work and academic achievement: A cross-country study. Education Journal, 32(4). Có tại: <https://eric.ed.gov/> [Truy cập ngày 17/09/2025].
* MMS Journals (2022) Effects of part-time employment on medical students’ study habits. Malaysian Medical Journal. Có tại: <https://mmsjournal.org/article/view/234> [Truy cập ngày 17/09/2025].
* BCSd Journals (2023) Part-time jobs and their social impacts on students. Middle East Journal of Research in Humanities and Social Sciences. Có tại: <https://bcsdjournals.com/index.php/mejr/article/view/1234> [Truy cập ngày 17/09/2025].

1. **Website**

* Tạp chí Công Thương (2024) Các nhân tố của việc đi làm thêm ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên. Có tại: <https://tapchicongthuong.vn/cac-nhan-to-cua-viec-di-lam-them-anh-huong-den-ket-qua-hoc-tap-cua-sinh-vien-106514.htm> [Truy cập ngày 17/09/2025].
* CTUJSVN (2023) Các nghiên cứu về ảnh hưởng của việc làm thêm đối với sinh viên Việt Nam. Có tại: [https://ctujsvn.edu.vn](https://ctujsvn.edu.vn/) [Truy cập ngày 17/09/2025].
* ResearchGate (2016) Student part-time employment: Case study at Ton Duc Thang University in Vietnam. Có tại: <https://www.researchgate.net/publication/310843746> [Truy cập ngày 17/09/2025].
* Google Scholar (2014–2019) Working and studying; part-time work, school success; academic effects of after-school work. Có tại: <https://scholar.google.com/> [Truy cập ngày 17/09/2025].